

Bản án số: 51/2020/DS-ST

Ngày 13/5/2020.

Về việc: “Tranh chấp về Hợp đồng  
tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Sơn;

2. Ông Phan Văn Dân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Xuyên - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham dự phiên  
tòa:** Bà Lê Thị Tô Anh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, An Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ kiện dân sự thụ lý số 173/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2017, về việc “*Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐST-DS ngày 28/02/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ;

Địa chỉ: Lê Duẩn, phường B, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Mai Hữu T sinh năm 1993; Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng OCB.

2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị H, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Tổ 10 ấp V, xã H, huyện T, An Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3. 1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953 (chết);

3. 2. Anh Phan Văn T, sinh năm 1974;

3. 3. Chị Nguyễn Thúy R, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Tổ 10 ấp V, xã H, huyện T, An Giang.

4. *Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C:*

4. 1. Anh Phan Thanh T, sinh năm 1969;

4. 2. Anh Phan Thanh A, sinh năm 1974;

4. 3. Anh Phan Thanh I, sinh năm 1976;

4. 4. Anh Phan Trung N, sinh năm 1978;

4. 5. Anh Phan Văn G, sinh năm 1983;

4. 6. Anh Phan Văn O, sinh năm 1989;

4. 7. Chị Phan Thị H, sinh năm 1987;

Cùng cư trú: Tổ 10 ấp V, xã H, huyện T, An Giang.

4. 8. Anh Phan Thanh Toán, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện T, An Giang.

4. 9. Chị Phan Thị P, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Ấp Thạnh Phú, xã Bình Thạnh, Châu Thành, An Giang.

*(Đại diện nguyên đơn và anh Phan Thanh T, chị Nguyễn Thúy T có mặt; Các đương sự còn lại vắng mặt, đã tổng đạt hợp lệ)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và lời khai của anh Mai Hữu T (đại diện theo ủy quyền) tại phiên toà có nội dung như sau:* Chị Phan Thị H có thỏa thuận vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (C nhánh An Giang) số tiền tổng cộng là 185.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 0163/2015/HĐTD-CN ngày 23/4/2015, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 12,1%/năm (quá hạn 150%), mục đích vay là để bổ sung vốn sản xuất gia công kinh doanh cửa sắt, nhà tiền chế. Khi vay có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 0163/2015/BĐ ngày 23/4/2015 đối với những tài sản gồm: Diện tích đất 1.751,2m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH06702 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 27/12/2014 mang tên Nguyễn Thị C (tài sản tọa lạc tại ấp Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, An Giang). Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì chị Phan Thị H chỉ trả vốn được 67.475.833đ, lãi là 35.813.238đ và đã vi phạm thỏa thuận đã cam kết theo hợp đồng, mặc dù hợp đồng đã hết hạn thanh toán.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu chị Phan Thị H có trách nhiệm cho trả cho ngân hàng số tiền vốn là 117.524.167đ và lãi suất phát sinh trong hạn, quá hạn đến ngày 13/5/2020 là 58.291.950đ; Tổng cộng, vốn lãi là 175.816.117đ, cùng với lãi suất phát sinh theo hợp đồng đến khi thanh toán xong, nếu không tự nguyện thì yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thanh toán nợ. Trước đây, yêu cầu bà Nguyễn Thị C cùng có trách nhiệm trả nợ với chị Phan Thị H nhưng nay xin rút lại yêu cầu này.

*\* Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Thanh T (đồng thời là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn*

*Thị H)* và *chị Nguyễn Thúy Trang trình bày có nội dung*: Anh Phan Thanh T là con ruột của bà Nguyễn Thị C (chết 2017), ông Phan Văn Sĩ (chết 2008). Cha mẹ có tất cả 09 người con, gồm: Phan Thanh Tùng, Phan Thanh Tài, Phan Trung Tín, Phan Thanh Thọ, Phan Văn Thông, Phan Thị Phương, Phan Thị H, Phan Thanh Toán và Phan Thanh T. Vào năm 2015, Phan Thị H có đứng vay của Ngân hàng Đ số tiền là 185.000.000đ và mẹ ruột Nguyễn Thị H có ký thế chấp tài sản là diện tích đất 1.751,2m<sup>2</sup> của gia đình bảo lãnh khoản vay nêu trên; Số tiền vay đã phân Ca như sau: Anh Phan Thanh T nhận 85.000.000đ, Phan Trung Tín nhận 50.000.000đ và Phan Thị H nhận 50.000.000đ để sử dụng riêng, đến nay chưa trả hết vốn, lãi cho Ngân hàng nhưng có đóng lãi và trả vốn một phần nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu thì không xác định được.

Nay đại diện ngân hàng yêu cầu trả số nợ vốn, lãi tổng cộng là 175.816.117đ thì anh Phan Thanh T đồng ý. Tuy nhiên, hiện tại không có khả năng nên xin trả dần mỗi tháng đến khi hết nợ.

*\* Theo bản khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thúy Trang trình bày có nội dung*: Chị Nguyễn Thúy Trang là vợ của anh Phan Thanh T và hiện tại vợ chồng vẫn đang sống chung trong gia đình. Trước đây, chị Phan Thị H có vay nợ ngân hàng Đ nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán hết vốn, lãi cho Ngân hàng, riêng tài sản thế chấp cho ngân hàng là diện tích đất thổ cư, vườn tạp bà Nguyễn Thị H thế chấp ngân hàng thì hiện tại vợ chồng chị đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Nay ngân hàng Đ yêu cầu trả số tiền vốn là 117.524.167đ và lãi suất phát sinh trong hạn, quá hạn đến ngày 13/5/2020 là 58.291.950đ; Tổng cộng, vốn lãi là 175.816.117đ thì tất cả anh chị em trong gia đình đều thống nhất. Tuy nhiên, hiện tại các anh, chị em đang đi làm ăn xa và không khả năng thanh toán một lần, xin ngân hàng cho trả dần mỗi tháng 10.000.000đ đến 20.000.000đ đến khi hết số vốn, lãi.

*\* Về phía bị đơn chị Phan Thị H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phan Thanh N, Phan Thanh I, Phan Trung T, Phan Thanh O, Phan Văn G, Phan Thị P, Phan Thanh A (đồng thời là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị H) thì*: Tòa án đã nhiều lần gửi Thông báo, giấy mời đến Tòa án để tạo điều kiện cho gặp đại diện nguyên đơn trong vụ án để hòa giải và đối Cú các khoản nợ nhưng tất cả các lần ông, bà đều vắng mặt không lý do. Qua chứng cứ thu thập được thì các đương sự có nơi cư trú tại địa phương theo như thông báo, tuy nhiên hiện tại không có mặt tại địa phương nhưng không cung cấp địa chỉ nơi ở mới; Do đó, thông qua Thừa phát lại thực hiện việc tổng đạt theo quy định pháp luật.

*\* Quan điểm của Viện kiểm sát về quá trình tố tụng của vụ kiện*: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền; Trong quá trình tiến hành tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa các

bên là trên cơ sở tự nguyện và đúng theo quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng*: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng mặc dù có mục đích lợi nhuận không thể hiện được bên vay có đăng ký kinh doanh nên tranh chấp thuộc khoản 3 Điều 26, căn cứ Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, bị đơn chị Phan Thị H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Người thừa kế quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng (bà Nguyễn Thị C) vắng mặt lần thứ hai không lý do nhưng đã tổng đạt hợp lệ, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định.

#### *Về nội dung*:

[2] *Về quan hệ hợp đồng tín dụng*: Xét Hợp đồng tín dụng số 0163/2015/HĐTD-CN ngày 23/4/2015 được ký giữa ngân hàng thương mại cổ phần Đ (C nhánh An Giang) với chị Phan Thị H có nội dung: “Chị Phan Thị H vay của ngân hàng Đ số tiền 185.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 12,10%/năm, lãi trả hàng tháng và vốn trả khi đến hạn”. Xét hợp đồng đã được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 94 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý buộc các bên phải thực hiện, phía đại diện ngân hàng Đ xác định chị Phan Thị H vẫn chưa thanh toán xong số vốn, còn nợ lại 117.524.167đ và lãi suất phát sinh; Trong khi đó, từ khi Tòa án thụ lý vụ kiện, tổng đạt thông báo cho bị đơn nhưng đến nay chị Phan Thị H đều không có ý kiến phản bác và cũng không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào khách quan để chứng minh đã thanh toán xong số nợ. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu trả nợ của đại diện ngân hàng Đ là có căn cứ nên được chấp nhận và buộc chị Phan Thị H có trách nhiệm trả số tiền vốn đã vay 117.524.167đ và toàn bộ lãi suất phát sinh trong hạn, quá hạn theo bản Cết tính ngày 13/5/2020 do phía ngân hàng đã tính toán, cung cấp tổng cộng là 58.291.950đ.

[3] Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 0163/2015/BĐ ngày 23/4/2015 được ký kết giữa ngân hàng Đ với bà Nguyễn Thị C có nội dung: “Bà Nguyễn Thị C đồng ý thế chấp những tài sản gồm: Diện tích đất thổ cư và vườn tạp 1.751,2m<sup>2</sup>, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH06702 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 27/12/2014 mang tên Nguyễn Thị C, tọa lạc tại ấp Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, An Giang, để đảm bảo số tiền đã vay vốn, lãi và các khoản phí theo hợp đồng tín dụng đã ký kết”. Về nội dung, hình thức của hợp đồng đã được công chứng, đăng ký thế chấp, đã tuân thủ đúng theo các quy định tại Điều 317, Điều 319 của Bộ luật dân sự và đến thời điểm này không bên nào có tranh chấp về các điều khoản trong hợp đồng và đồng thời không có bên thứ ba tranh chấp, khiếu nại. Do đó, hợp đồng thế chấp

số 0163/2015/BĐ ngày 23/4/2015 có giá trị pháp lý và sẽ được duy trì, phát mãi để ưu tiên đảm bảo cho khoản nợ đã được thỏa thuận thế chấp trong hợp đồng. Ngoài ra, phía đại diện ngân hàng Đ yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng trên số nợ gốc 117.524.167đ đến khi thanh toán xong số nợ, đây là yêu cầu phù hợp nên được chấp nhận. Ngoài ra, phía đại diện ngân hàng Đ rút lại yêu cầu buộc các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị C cùng có trách nhiệm với chị Phan Thị H trả nợ là tự nguyện nên được chấp nhận, cần xem xét đình chỉ yêu cầu này. Theo quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do bị buộc trả cho ngân hàng Đ nên chị Phan Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 94, khoản 2 Điều 95 của luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử*:

+ Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (do anh Mai Hữu T đại diện). Buộc chị Phan Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền vốn, lãi tổng cộng là 175.816.117đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm mười sáu ngàn một trăm mười bảy đồng).

+ Chị Phan Thị H còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh với mức lãi suất nợ quá hạn trên số nợ gốc 117.524.167đ theo hợp đồng tín dụng số 0163/2015/HĐTD-CN ngày 23/4/2015, kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

+ Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 0163/2015/BĐ ngày 23/4/2015, đối với tài sản đã thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án.

+ Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ buộc các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị C cùng có trách nhiệm với chị Phan Thị H trả số nợ 175.816.117đ.

- *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*:

+ Chị Phan Thị H phải chịu 8.790.800đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí nên được hoàn lại 5.994.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0000980 ngày 18/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt tham dự phiên tòa biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án (có lý do chính đáng) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Châu Thành;
- Cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**